

Số: 12/KL-STNMT

Trà Vinh, ngày 27 tháng 4 năm 2020

## KẾT LUẬN THANH TRA

### Về việc chấp hành pháp luật về tài nguyên môi trường; thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè

Thực hiện Quyết định số 1851/QĐ-STNMT ngày 17/10/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên môi trường; Việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè. Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 06/BC-ĐTTr ngày 30/3/2020 của Trưởng đoàn thanh tra, xét ý kiến giải trình của của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kết luận như sau:

#### **I. Khái quát chung**

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè (gọi tắt là Phòng TNMT) là cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, tham mưu UBND huyện trong công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện. Đồng thời, chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy: gồm: 02 Phó Trưởng phòng, 03 chuyên viên.

- Về chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sĩ 01 người, Đại học: 04 người; Trình độ chính trị: cao cấp: 01 người, trung cấp: 04 người.

#### **II. Kết quả kiểm tra, xác minh:**

##### **1. Về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.**

Kiểm tra việc tham mưu lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất các năm: 2016, 2017, 2018, 2019 của huyện Cầu Kè; tổ chức thực hiện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

Nhìn chung, về trình tự, thủ tục được Phòng TNMT tham mưu UBND huyện lập hồ sơ phê duyệt dự án và chỉ định đơn vị lập kế hoạch sử dụng đất theo quy định; sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, Phòng TNMT đã tham mưu UBND huyện công khai kế hoạch sử dụng đất. Tuy nhiên chưa tham mưu UBND huyện tổ chức công bố kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 48 Luật Đất đai năm 2013.

##### **2. Về thẩm định hồ sơ giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất.**

###### **2.1 Đối với hồ sơ giao đất:**

Kiểm tra 12 hồ sơ giao đất cho hộ gia đình, cá nhân (giao đất vào năm 2016 và năm 2017). Trong đó, có 11 hồ sơ giao đất có thu tiền sử dụng đất trên cơ sở

chủ trương của UBND tỉnh, 01 hồ sơ giao đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. Tất cả 12 trường hợp giao đất nêu trên, về trình tự, thủ tục thực hiện đúng quy định, các trường hợp giao đất đã nộp đầy đủ tiền vào ngân sách nhà nước.

Qua kiểm tra, các hồ sơ giao đất được Phòng TNMT tham mưu UBND huyện thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 33/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ kế hoạch sử dụng đất hàng năm (năm 2016, 2017) đã được UBND tỉnh phê duyệt, tại vị trí giao đất cho các hộ phù hợp với kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013.

## **2.2 Đối với hồ sơ thu hồi đất:**

Theo báo cáo của Phòng TNMT từ năm 2016 đến năm 2019, thu hồi đất để thực hiện 07 công trình.

Đoàn Thanh tra tiến hành kiểm tra trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với 02 công trình, cụ thể:

- Công trình nâng cấp hệ thống kênh trục và nâng cấp mở rộng các trạm nước sạch khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp, tỉnh Trà Vinh (năm 2018): Thu hồi đất của 05 hộ gia đình, cá nhân, diện tích 5.817 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp Ô Chích, xã Thông Hòa và ấp Mỹ Văn, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè.

- Công trình đường Cây Gòn, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè (thực hiện năm 2019), thu hồi đất của 01 tổ chức và 28 hộ gia đình, cá nhân, với tổng diện tích 8.699,7 m<sup>2</sup> đất, tọa lạc ấp 2 và ấp Cây Gòn, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè.

Qua kiểm tra, về trình tự thủ tục: thực hiện đúng quy định tại Điều 69, Luật Đất đai năm 2013, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

**2.3 Hồ sơ cho thuê đất:** Theo báo cáo của Phòng TNMT từ năm 2016 đến năm 2019, Phòng không có tham mưu UBND huyện thực hiện hồ sơ cho thuê đất.

## **3. Về thẩm định hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất.**

- Kiểm tra 44 hồ sơ, có 29/44 hồ sơ trong hạn; có 15/44 hồ sơ quá hạn.  
- Có 16/44 hồ sơ không có đơn đề nghị thẩm định điều kiện nhu cầu sử dụng đất và kết quả thẩm tra việc chuyển mục đích sử dụng đất.

Đối chiếu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Kiểm tra 15 thửa đất/44 hồ sơ với bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Kiểm tra diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất so với Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

\* **Năm 2016:** diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 2.624,9m<sup>2</sup>; diện tích phê duyệt: 68,08 ha (Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh).

\* **Năm 2017:** diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 44.160,2m<sup>2</sup>; diện tích phê duyệt: 71,88 ha (Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh).

\* **Năm 2018:** diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 28.625,5m<sup>2</sup>; diện tích phê duyệt: 137,37 ha (Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh).

\* **Năm 2019:** diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 9.407,8m<sup>2</sup> (tính đến thời điểm ngày 24/10/2019); diện tích phê duyệt: 161,40 ha (Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của UBND tỉnh).

- Căn cứ quy định để kiểm tra: Thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Nhìn chung, về trình tự, thủ tục: Cơ bản Phòng TNMT tham mưu UBND huyện thực hiện đúng quy định tại Thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai (có 28/44 hồ sơ thực hiện trong hạn).

- Thực hiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; diện tích đất cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm trong hạn mức được UBND tỉnh phê duyệt.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hồ sơ, Phòng TNMT tham mưu UBND huyện chưa đúng quy định. Cụ thể:

- Hồ sơ không có đơn đề nghị thẩm định điều kiện nhu cầu sử dụng đất, kết quả thẩm tra việc chuyển mục đích sử dụng đất không đúng quy định tại Điều 6 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; điểm 7 Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (16/44 hồ sơ).

- Hồ sơ thực hiện quá hạn (15 ngày), chiếm 30% trên tổng số 44 hồ sơ kiểm tra.

**4. Tình hình thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (cấp lần đầu).**

- Kiểm tra 50 hồ sơ/1387 hồ sơ: Trong đó: Trước hạn là 35 hồ sơ (có 12 hồ sơ từ 21 đến 29 ngày), trễ hạn là 15 hồ sơ (từ 01 đến 38 ngày).

- Thành phần hồ sơ gồm: Thủ tục theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.

- Trình tự thực hiện: Đúng quy định tại Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh, thời gian thực hiện không quá 20 ngày; Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 24/07/2017 của UBND tỉnh, thời gian thực hiện không quá 20 ngày; Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh, thời gian thực hiện không quá 25 ngày.

- Cơ sở pháp lý thực hiện cấp giấy chứng nhận QSD đất: theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Qua kiểm tra, cơ bản các hồ sơ Phòng TNMT tham mưu UBND huyện thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; không yêu cầu người dân nộp các loại giấy tờ ngoài quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013;

- Thời gian hoàn trả hồ sơ phần lớn trước thời hạn quy định (35/50 hồ sơ).

Tuy nhiên, bên cạnh những hồ sơ thực hiện đúng quy định, qua kiểm tra vẫn còn một số hồ sơ thực hiện chưa đúng quy định, cụ thể:

+ Một số hồ sơ nhận không đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (đơn cấp đổi, cấp lại (mẫu 10/ĐK) 28/50 hồ sơ).

+ 01 hồ sơ nhận không đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (đơn đăng ký biến động (mẫu 09/ĐK)).

+ Một số hồ sơ trễ hạn so với thời gian quy định (15/50 hồ sơ), có 07 hồ sơ trễ hạn trên 10 ngày, có 03 hồ sơ trễ hạn trên 30 ngày.

+ Hồ sơ nhận không đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 nhận thêm tờ cam kết chưa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chủ sử dụng (02/50 hồ sơ).

#### **5. Công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.**

- Năm 2016: đã yêu cầu lập tờ khai nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp đối với 19 cơ sở thuộc đối tượng nộp phí và đã thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp cho 19 cơ sở này; lưu chứng từ nộp phí của cơ sở đầy đủ.

- Năm 2017: Chưa cung cấp được hồ sơ thông báo thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp và chưa tổ chức thu phí đối với các cơ sở thuộc đối tượng phải nộp phí.

- Năm 2018: đã thông báo thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp đối với Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn năm 2017 (16 trạm),

truy thu số tiền 24 triệu đồng; năm 2018 (18 trạm), thu với số tiền 27 triệu đồng. Tuy nhiên, đối với các cơ sở khác thuộc đối tượng phải nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn huyện, Phòng TNMT chưa tổ chức thu phí.

- Năm 2019: đã thông báo thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp đối với Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn năm 2019 (18 trạm). Tuy nhiên, đối với các cơ sở thuộc đối tượng phải nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp khác trên địa bàn huyện, Phòng TNMT chưa tổ chức thu phí.

Nhìn chung, cơ bản Phòng TNMT có tổ chức cho các cơ sở kê khai và thông báo thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp theo quy định. Tuy nhiên, việc thông báo cho các cơ sở thuộc đối tượng nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp Phòng TNMT thực hiện chưa đầy đủ, vẫn còn một số cơ sở từ năm 2017 đến thời điểm thanh tra, Phòng TNMT chưa thông báo thu phí.

Việc Phòng TNMT giao về cho UBND cấp xã vận động các cơ sở kê khai phí BVMT đối với nước thải công nghiệp là không đúng quy định tại Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh về việc phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 92/QĐ-UBND.

#### **6. Công tác kiểm tra bảo vệ môi trường đối với các cơ sở được cấp cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường đơn giản thuộc thẩm quyền quản lý cấp huyện.**

Hàng năm Phòng TNMT có xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật trong lĩnh vực BVMT trình UBND huyện phê duyệt và có báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên thời điểm kiểm tra, Phòng TNMT chưa cung cấp được các biên bản kiểm tra.

Qua kiểm tra, cơ bản, Phòng TNMT xây dựng kế hoạch và kiểm tra các cơ sở được cấp cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường đơn giản. Tuy nhiên, cần phải lưu trữ hồ sơ chặt chẽ, để làm cơ sở xử lý vi phạm hành chính về sau, nếu cơ sở có vi phạm hành chính.

#### **7. Cấp xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản trên địa bàn huyện.**

Kiểm tra ngẫu nhiên 20 hồ sơ/146 hồ sơ với nhiều loại hình ngành nghề khác nhau, cơ bản thẩm định kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản (về loại hình, quy mô công suất, trình tự thủ tục,...) theo đúng quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Qua kiểm tra, cơ bản về công tác xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản trên địa bàn huyện thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu sót như sau: chưa thực hiện quy trình ISO đối với thủ tục xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và Đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

## **8. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiểm tra về tài nguyên và môi trường:**

### **8.1 Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư:**

- Công tác tiếp công dân: Phòng TNMT không lập sổ tiếp công dân, không phân công công chức tiếp công dân thường xuyên tại cơ quan, chỉ phân công công chức tiếp công dân hàng tháng theo thông báo của Ban Tiếp công dân UBND huyện Cầu Kè.

- Về xử lý đơn thư: Tổng cộng có 65 đơn thư (trong đó năm 2016: 13 đơn, năm 2017: 08 đơn, năm 2018: 15 đơn, năm 2019: 29 đơn) tất cả các đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đều do Văn phòng UBND huyện tiếp nhận và có văn bản chuyển cho Phòng TNMT tham mưu thực hiện.

- Kiểm tra ngẫu nhiên 19/65 hồ sơ do Phòng TNMT tham mưu UBND huyện xử lý đơn thư của công dân. trong đó:

+ Về thời gian: có 10 hồ sơ tham mưu trễ hạn so với văn bản của UBND huyện giao.

+ Về nội dung: có 01 hồ sơ tham mưu chưa phù hợp. Cụ thể: Hồ sơ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa trường Tiểu học Hòa Tân B với các hộ dân, hồ sơ chưa có biên bản hòa giải của UBND xã nhưng Phòng kiến nghị UBND huyện chuyển hồ sơ cho Tòa án thụ lý là không đúng quy định tại Điều 202 Luật đất đai, Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai (theo quy định thì việc tranh chấp này phải được chuyển về UBND xã tổ chức hòa giải, trường hợp hòa giải không thành thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân gửi đơn đến cơ quan Tòa án giải quyết theo thẩm quyền).

- Đối với các đơn thư đủ điều kiện thụ lý và thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện thì giao nhiệm vụ cho Cơ quan Kiểm tra – Thanh tra huyện tham mưu giải quyết, Phòng TNMT chỉ phối hợp.

Nhìn chung, tất cả các đơn thư đều được Phòng TNMT tham mưu, báo cáo đề xuất UBND huyện xử lý. Tuy nhiên, quá trình tham mưu thực hiện còn một số hạn chế như sau:

- Công tác tiếp công dân: Không có sổ tiếp công dân theo quy định tại Thông tư 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân; chưa phân công công chức tiếp công dân thường xuyên tại đơn vị.

- Về công tác tham mưu xử lý đơn thư: Tham mưu thực hiện hồ sơ còn chậm trễ so với thời gian UBND huyện giao (10/19 hồ sơ); tham mưu không đúng quy định 01/19 hồ sơ (hồ sơ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa trường Tiểu học Hòa Tân B với các hộ dân).

### **9. Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường:**

- Từ năm 2016 đến thời điểm thanh tra, hàng năm Phòng TNMT có xây dựng kế hoạch kiểm tra và trình UBND huyện phê duyệt kế hoạch kiểm tra trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; phối hợp Công an huyện Cầu Kè và UBND cấp xã tiến hành kiểm tra trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Kết quả đã tổ chức kiểm tra 64 cuộc, phát hiện 41 trường hợp vi phạm, đã tham mưu UBND

huyện xử phạt 26 trường hợp vi phạm với tổng số tiền là 446.600.000 đồng (trong đó: Phòng Tài nguyên và Môi trường trực tiếp tham mưu 01 trường hợp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, chuyển Công an huyện tham mưu xử phạt 25 trường hợp trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản); nhắc nhở các tổ chức/cá nhân vi phạm không tái phạm là 13 trường hợp; chuyển Công an huyện Trà Ôn xử phạt 02 trường hợp (năm 2019); đồng thời Phòng TNMT đã phối hợp với đơn vị tỉnh Sóc Trăng tiến hành kiểm tra trong hoạt động khai thác khoáng sản (cát sông) trên tuyến sông Hậu.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường khảo sát hồ sơ xin cải tạo đất và vận chuyển phân đất dôi dư sau cải tạo: 03 cuộc.

Qua kiểm tra trình tự thủ tục xử lý vi phạm, còn một số vụ việc Phòng TNMT tham mưu xử lý chưa phù hợp, cụ thể:

- Đối với hồ sơ của ông Phan Văn Dũng:

Từ tháng 01/2016 đến tháng 3/2016, ông Phan Văn Dũng đã vi phạm hành chính 03 lần, với hành vi hành nghề khoan nước dưới đất không có giấy phép. Tuy nhiên, Phòng TNMT không tiến hành tham mưu lập thủ tục đề xuất xử phạt vi phạm hành chính mà chỉ đề nghị đối tượng cam kết không tái phạm là chưa phù hợp. Trong lúc xử lý hồ sơ, có ghi nhận việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm, tuy nhiên, không có quyết định tạm giữ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chưa đảm bảo trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012.

- Đối với hồ sơ bà Thạch Thị Thu Loan:

+ Vụ việc được Phòng TNMT kiểm tra và lập biên bản kiểm tra ngày 19/4/2019, đến ngày 20/5/2019 Phòng mới tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính nhưng trong phần căn cứ để lập biên bản không căn cứ vào biên bản kiểm tra là chưa đúng theo Mẫu Biên bản VPHC số MBB01 - ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ; Về mục giải trình trong biên bản: Việc giải trình chỉ thực hiện khi đối với mức phạt trên 15.000.000 đồng đối với cá nhân (quy định tại Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012). Tuy nhiên, vụ việc nêu trên vi phạm điểm c, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP xử phạt với mức phạt là 1.250.000 đồng là không bắt buộc giải trình. Vì vậy trong biên bản ghi nhận thời hạn giải trình 05 ngày là chưa phù hợp; Một số nội dung trong biên bản còn bỏ trống.

+ Việc xác định hành vi vi phạm: Phòng TNMT xác định hành vi vi phạm tại điểm a, khoản 5, Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/4/2016 của Chính phủ là không đúng. Đồng thời, tại thời điểm kiểm tra có lấy mẫu nước thải, qua kết quả lấy mẫu nước thải có các thông số vượt quy chuẩn cho phép (trong đó thông số Coliform vượt 860 lần) với lưu lượng nhỏ hơn 5m<sup>3</sup>/ngày. đêm thì hành vi vi phạm này được quy định tại điểm a, khoản 6, Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/4/2016 của Chính phủ.

+ Trình tự thủ tục thực hiện: Phòng TNMT xác định 02 hành vi vi phạm và tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính ngày 20/5/2019 đối với 01 hành vi vi phạm (điểm c, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP), sau đó ngày

21/5/2019, Phòng báo cáo đề xuất UBND huyện xem xét xử lý 01 hành vi là chưa phù hợp, do việc lập biên bản vi phạm hành chính trước khi báo cáo đề xuất chủ trương xử phạt.

- Công tác quản lý hồ sơ kiểm tra, xử lý vi phạm: Qua kiểm tra thực tế, cho thấy việc quản lý hồ sơ chưa chặt chẽ.

Nhìn chung, về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực khoáng sản, tài nguyên nước, hàng năm Phòng TNMT có tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra và trình UBND huyện ban hành quyết định kiểm tra trong năm. Qua kiểm tra có tham mưu UBND huyện xử lý các trường hợp vi phạm. Tuy nhiên, quá trình thực hiện còn những thiếu sót, hạn chế như sau:

- Trình tự, thủ tục xử lý hồ sơ vi phạm: còn một số trường hợp tham mưu xử lý chưa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định; Việc xác định hành vi vi phạm chưa phù hợp; Việc tham mưu xử lý hồ sơ vi phạm chưa đảm bảo tính răn đe đối với các tổ chức/cá nhân vi phạm.

- Công tác quản lý hồ sơ kiểm tra, xử lý vi phạm: việc quản lý hồ sơ chưa được chặt chẽ.

### **10. Công tác hướng dẫn, kiểm tra về tài nguyên và môi trường đối với đối với công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã**

Phòng TNMT không hướng dẫn, kiểm tra về tài nguyên và môi trường cho công chức địa chính và môi trường thuộc UBND cấp xã, tuy nhiên đối với những trường hợp có đơn thư khiếu nại gửi đến UBND cấp xã thì Phòng có cử công chức chuyên môn phối hợp xã để hỗ trợ xử lý.

Nhìn chung, Phòng TNMT có hỗ trợ cho UBND cấp xã giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai khi có đơn thư của công dân. Tuy nhiên, chưa tổ chức kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường đối với công chức địa chính và môi trường thuộc UBND cấp xã theo quy định tại Khoản 19, Điều 5, Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Nội vụ.

### **III. KẾT LUẬN**

Qua kết quả kiểm tra, cơ bản Phòng TNMT tham mưu UBND huyện thực hiện đúng quy định đối với các nhiệm vụ được giao, về nội dung giao đất, thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân được Phòng tham mưu UBND huyện thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, cũng còn những thiếu sót, hạn chế. Vì vậy, Giám đốc Sở đề nghị Phòng TNMT thực hiện tốt các nội dung như sau:

#### **1. Về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt:**

Trong thời gian tới, sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, đề nghị Phòng TNMT tham mưu UBND huyện công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 48 Luật Đất đai năm 2013.

#### **2. Về thực hiện hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất:**

- Rút kinh nghiệm, chấn chỉnh và khắc phục ngay: việc thực hiện hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất còn quá hạn; Trình tự thủ tục phải thực hiện đầy đủ

theo quy định của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Hướng dẫn số 1510/STNMT-CCQLĐĐ ngày 24/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện bảo quản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

### **3. Về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (cấp lần đầu):**

- Đề nghị thực hiện đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;

- Khắc phục tình trạng hồ sơ trễ hẹn nhiều ngày (trên 20 ngày).

### **4. Công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp:**

Phòng TNMT huyện Cầu Kè tổ chức thông báo thu phí và triển khai thực hiện thu phí bảo vệ môi trường nước thải công nghiệp đối với các cơ sở thuộc đối tượng theo quy định tại Nghị định số 154/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh về việc phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

### **5. Về công tác thẩm định, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cũng như việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường:**

Triển khai vận hành quy trình thủ tục ISO đối với thủ tục kế hoạch bảo vệ môi trường đảm bảo đúng thời gian theo quy định hiện hành; Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp kế hoạch BVMT, đề án BVMT đơn giản; đồng thời lưu trữ hồ sơ văn bản chặt chẽ theo quy định.

### **6. Việc tham mưu giải quyết đơn thư khiếu nại:**

- Đề nghị nghiên cứu tham mưu UBND huyện giải quyết tranh chấp, khiếu nại đất đai đúng trình tự, thủ tục theo Luật Đất đai năm 2013, Luật Khiếu nại năm 2011 cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành; Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính đúng theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

- Phân công công chức tiếp công dân thường xuyên tại cơ quan theo quy định tại Điều 18 Luật Tiếp công dân năm 2013; Lập và ghi chép sổ tiếp công dân theo đúng quy định tại Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân; nhận và xử lý đơn thư đúng quy định.

### **7. Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường:**

- Đề nghị thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; Về nội dung, mẫu văn bản áp dụng trong xử phạt vi phạm hành chính, đề nghị thực hiện đúng theo mẫu được quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ;

- Trong công tác xử lý hồ sơ vi phạm, đề nghị thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; Về nội dung, mẫu văn bản áp dụng trong xử phạt vi phạm hành chính, đề nghị thực hiện đúng theo mẫu được quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

- Tạo điều kiện cho công chức chuyên môn tham gia tập huấn về lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường để nâng cao trình độ chuyên môn và thực hiện đúng quy định.

- Trong công tác quản lý hồ sơ: sắp xếp, lưu trữ hồ sơ đầy đủ.

- Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường và công chức chuyên môn trong việc tham mưu xử lý hồ sơ vi phạm của ông Phan Văn Dũng (giai đoạn năm 2016) và hồ sơ bà Thạch Thị Thu Loan (giai đoạn năm 2019) với những hạn chế nêu trên. Thời gian kiểm điểm và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra.

#### **8. Về công tác hướng dẫn, kiểm tra đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc UBND cấp xã.**

Đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường đối với công chức địa chính và môi trường thuộc UBND cấp xã theo quy định tại Khoản 19, Điều 5, Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Nội vụ.

Trên đây là kết luận thanh tra của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè nghiêm túc thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Các PGĐ Sở (để biết);
- Phòng TNMT huyện Cầu Kè (t/hiện);
- Các phòng, cq, đv thuộc sở;
- UBND huyện Cầu Kè;
- Lưu: VT, ĐTTra.



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Hùng**